

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
**(Ngày 18 tháng 12 năm 2024)<sup>(2)</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Phạm Thị Hồng Thúy** Ngày tháng năm sinh: 29/08/1978
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Kim Đồng, quận Kiến An, thành Hải Phòng.
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Quy Tứ 2, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031178006050  
ngày cấp: 10/05/2021; nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Hùng** Ngày tháng năm sinh: 15/08/1978
- Nghề nghiệp: Nghỉ hưu
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>:
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Quy Tứ 2, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành Hải Phòng.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 137809642406  
ngày cấp: 01/02/2019 nơi cấp: Quân khu 3

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Minh Quân** Ngày tháng năm sinh: 04/05/2013
- Số định danh: 031213001666
- Nơi thường trú: Tổ dân phố Quy Tứ 2, phường Phù Liễn, quận Kiến An, thành Hải Phòng.

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thừa nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Số nhà 32, ngõ 73 đường Quy Túc, tổ dân phố Quy Túc 2, phường Phù Liên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Diện tích<sup>(9)</sup>: 260 m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 900.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Giấy chứng nhận của UBND quận Kiến An cấp ngày 02/8/2018 số CH00079 (cho quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn Hùng và bà Phạm Thị Hồng Thúy)

- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên):

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 32, ngõ 73 đường Quy Túc, tổ dân phố Quy Túc 2, phường Phù Liên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Loại nhà<sup>(14)</sup>: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: 220m<sup>2</sup>

- Giá trị<sup>(10)</sup>: 1.200.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Giấy chứng nhận của UBND quận Kiến An cấp ngày 02/8/2018 số CH00079 (cho quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn Hùng và bà Phạm Thị Hồng Thúy)

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....

- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên):

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không có

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>. Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu: Không có

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu: Không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: Không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: Không có

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản: Xe máy: (Model) SH MODE Mua: Tháng 10/2024

Số đăng ký: 15AN-061.28 <sup>(T)</sup> Giá trị: 61.000.000 đ

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 195.500.000 đ

- Tổng thu nhập của chồng: 144.000.000 đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung: 339.500.000 đ

### III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup>

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .		+ 103.500.000đ	- Tổng thu nhập của chồng; - Tiền lương hàng tháng; thu nhập tăng thêm theo NQ 05/2022NQ-HĐND; NQ 01/2023-HĐND, tăng lương cơ sở và các khoản phụ cấp.

Kiến An, ngày 19 tháng 12 năm 2024  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Nguyễn Thị Thanh Hương

Kiến An, ngày 18 tháng 12 năm 2024  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Hồng Thuý